

Số: 3503 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án thành phần 2: Đường từ xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Văn bản số 2981/BQLDA-GT ngày 09 tháng 9 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 712/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án thành phần 2: Đường từ xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Anh Dũng, tỉnh Khánh Hòa và xã Tà Năng, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; đồng thời, thực hiện công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định trước khi triển khai thực hiện các hạng mục của Dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt. Nếu phát hiện vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Anh Dũng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Sở NNMT tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Tà Năng, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Anh Dũng, tỉnh Khánh Hòa;
- Chủ dự án;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 1047/QĐ-SNNMT ngày 03/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.



**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
THÀNH PHẦN 2: ĐƯỜNG TỪ XÃ MA NÓI, HUYỆN NINH SƠN, TỈNH
NINH THUẬN ĐẾN NGÃ TƯ TÀ NĂNG, HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH
LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số 3503 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Thành phần 2: Đường từ xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

- Địa điểm thực hiện: Dự án có chiều dài khoảng 40,159 km, đi qua địa bàn xã Anh Dũng, tỉnh Khánh Hòa; xã Tà Năng, tỉnh Lâm Đồng có:

+ Điểm đầu (Km22+283) tại xã Anh Dũng, tỉnh Khánh Hòa trùng với điểm cuối của dự án “Thành phần 1: Đường từ thị trấn Tân Sơn đến xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận”.

+ Điểm cuối (Km62+422) tại ngã tư Tà Năng thuộc xã Tà Năng, tỉnh Lâm Đồng.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Quy mô, công suất:

Theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 và Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 18/03/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận (trước đây) về phê duyệt dự án, quy mô mặt cắt ngang đề xuất như sau:

- + Bề rộng nền đường: 9,0m;
- + Bề rộng mặt đường: 6,0m;
- + Bề rộng lề gia cố: 2 bên x 1,0m = 2,00m;
- + Bề rộng lề đất: 2 bên x 0,5m = 1,00m;
- + Tổng chiều rộng mặt cắt ngang là 9m.

Các đoạn tuyến tận dụng đường cũ: tìm tuyến bám tim đường hiện hữu, nắn chỉnh theo yêu cầu cấp hạng đường thiết kế, những đoạn đạt yêu cầu thì mở rộng mặt đường 2 bên.

Các đoạn tuyến mới hoàn toàn, tìm tuyến lựa chọn phù hợp với địa hình, giảm chiều sâu đào núi, hạn chế đắp cao, thuận lợi thoát nước..

- Cấp hạng kỹ thuật:

+ Nhóm dự án: Nhóm B.

- + Loại công trình: Công trình giao thông.
- + Cấp công trình: Công trình cấp III.
- + Cấp kỹ thuật của đường, đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi theo TCVN 4054-2005.
- + Vận tốc thiết kế: 60 Km/h, chậm chước các đoạn khó khăn thiết kế với vận tốc 40 Km/h.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận (trước đây) về phê duyệt dự án, thì Dự án Thành phần 2 là công trình đường giao thông có quy mô kỹ thuật cấp III miền núi.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

*. Căn cứ hồ sơ thiết kế, hiện trạng thi công và nội dung điều chỉnh của dự án, các hạng mục công trình được phân loại theo tình trạng thực hiện và nội dung thay đổi như sau:

Chiều dài tuyến khoảng: 40,159 km. Thống kê 5 đoạn tuyến của dự án như sau:

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

+ Đoạn 1: từ Km22+283 – Km26+000: khoảng 3,717km, tuyến đi theo đường Tà Nôi – Ma Nới thuộc “Dự án Tuyến đường từ xã Ma Nới đi thôn Tà Lôi, huyện Ninh Sơn” và “Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung – Tỉnh Ninh Thuận; Hợp phần 1: Xây dựng tái thiết các công trình bị hư hỏng và phòng ngừa thiên tai trong tương lai”. Địa hình 2 bên tuyến dạng đồi núi, cao độ biến thiên từ +150m ÷ +230m.

+ Đoạn 2: từ Km26+000 + Km45+368: khoảng 20,162km, đoạn tuyến từ thôn Tà Nôi đi Thác Mưa đến Ma Bó (ranh giới giữa tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng). Hiện trạng tuyến đường bám theo đường mòn lâm nghiệp và đường sườn tự nhiên đến ranh giới với tỉnh Lâm Đồng. Địa hình đi lại rất khó khăn, tuyến đi mới qua rừng nên dọc tuyến hoàn toàn không có dân cư sinh sống, chỉ có một số đồng bào dân tộc Raglai sống tại thôn Tà Nôi, có địa hình tương đối hiểm trở, nằm cách xa trung tâm xã Ma Nới khoảng 8 km. Đoạn tuyến này đi qua khu vực núi, địa hình sườn dốc lớn, đào sâu đắp cao, cao độ thay đổi từ +230 ÷ +980m.

- Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

+ Đoạn 3: từ Km45+368 – Km48+700, dài khoảng 3,438Km: từ ranh giới tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Lâm Đồng tại Km45+075,06 đến giáp với đường bê tông xi măng hiện hữu tại Km47+850 . Hiện trạng tuyến đường đi qua là đường làm mới, chủ yếu là đất rừng sản xuất xen kẽ một số rẫy của các hộ dân. Cao độ giảm dần từ +980m ÷ 940m.

- Đoạn 4: từ Km48+700 – Km58+174, dài khoảng 9,514Km: hiện trạng là

đường bê tông xi măng nội đồng, có bề rộng $B_m=3.5m$, hai bên là rẫy, ruộng của bà con nông dân đang canh tác;

- Đoạn 5: Km58+174 – Km62+422: khoảng 4,248 km, tuyến bám theo đường cũ là đường nhựa cấp thấp thuộc đường liên xã DH6 và giao với Đường tỉnh DT729 tại ngã 3 vào các thôn Tân Hạ, Tom Rang,... huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; bề rộng nền đường trung bình 6,0m, bề rộng mặt đường trung bình 3,5m thuộc địa phận xã Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Cao độ khu vực tương đối bằng phẳng, biến thiên từ +940m ÷ +920m.

*. Vận chuyển và đổ thải đất đá thừa không đủ điều kiện kỹ thuật dùng cho công trình vào các bãi thải đã được thống nhất vị trí tại các Công văn số 1697/UBND-MT ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng và số 1763/UBNDKTTH ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận; Biên bản thỏa thuận đổ thải ký ngày 23/2/2026 và Biên bản xác nhận cự ly vận chuyển đất, đá (đoạn KM36+776,37 - KM36+916,37, KM37+456,37 - KM37+516,37, KM37+934,54 - KM38+116,31) đến địa điểm đổ thải ký ngày 25/02/2026

*. Tổng hợp tình trạng thực hiện và nội dung điều chỉnh các hạng mục công trình của dự án

ST T	Hạng mục công trình	Tình trạng thực hiện	Nội dung thay đổi	Lý do điều chỉnh
1	Tuyến đường (nền đường, mặt đường)	Đã thi công khoảng 90%, còn một số đoạn đang hoàn thiện	Giữ nguyên quy mô, hướng tuyến; điều chỉnh cục bộ một số đoạn xử lý sạt lở	Phù hợp điều kiện địa hình, địa chất và hiện trạng thi công thực tế
2	Cầu số 1, 2, 3 (địa bàn tỉnh Khánh Hòa)	Đã hoàn thành	Giữ nguyên	Thi công hoàn thành theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Không phát sinh điều chỉnh thiết kế
3	Cầu số 4 và cầu số 5 (địa bàn tỉnh Lâm Đồng)	Đã hoàn thành	Giữ nguyên	Thi công hoàn thành theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Không phát sinh điều chỉnh thiết kế
4	Hệ thống cống thoát nước	Đã thi công 90%	Điều chỉnh vị trí một số cống; bổ sung cống ngang tại một số vị trí	Đáp ứng yêu cầu thoát nước thực tế, giảm nguy cơ xói lở và phù hợp địa hình

ST T	Hạng mục công trình	Tình trạng thực hiện	Nội dung thay đổi	Lý do điều chỉnh
5	Rãnh dọc, rãnh đỉnh, rãnh taluy	Đã thi công 90%	Điều chỉnh kích thước; bổ sung một số đoạn rãnh và gờ chắn nước	Tăng khả năng thoát nước, hạn chế xói lở mái taluy
6	Gia cố mái taluy dương	Đang thực hiện	Bổ sung phạm vi gia cố, bạt mái, hốt đất đá sạt lở	Xử lý các vị trí phát sinh sạt trượt trong quá trình thi công
7	Gia cố mái taluy âm	Đang thực hiện	Bổ sung gia cố, bổ sung rọ đá bảo vệ chân taluy	Tăng ổn định nền đường, chống xói lở
8	Tường chắn taluy âm	Đã thi công, một số vị trí đang điều chỉnh	Điều chỉnh chiều dài, chiều cao; cắt bỏ hoặc bổ sung cục bộ một số đoạn	Phù hợp điều kiện địa chất, địa hình và hiện trạng thi công
9	Tường chắn taluy dương	Đã thi công, một số đoạn đang hoàn thiện	Điều chỉnh chiều cao, chiều dài; bổ sung một số đoạn	Tăng ổn định mái dốc, giảm khối lượng đào và bảo đảm an toàn công trình
10	Hố tiêu năng, gia cố hạ lưu cống	Đang thực hiện	Bổ sung	Tăng khả năng tiêu thoát nước, chống xói lở công trình
11	Hệ thống an toàn giao thông (biển báo, hộ lan, cọc tiêu, sơn kẻ đường...)	Đang thực hiện	Giữ nguyên	Thi công theo tiến độ hoàn thiện dự án
12	Các hạng mục bảo vệ môi trường	Đang thực hiện	Bổ sung một số hạng mục bảo vệ mái taluy, thoát nước và chống xói lở	Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn công trình sau khi rà soát thực tế

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: bao gồm các hoạt động khai thác vật liệu xây dựng, tái định cư, trồng rừng thay thế, tận thu lâm sản và khoáng sản, vận chuyển và xử lý chất thải ngoài ranh giới chiếm dụng đất của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ (20,131 ha) là yếu tố nhạy cảm về môi trường

theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh: không thuộc đối tượng.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Tác động tiêu cực tới đời sống và sinh kế của các hộ dân bị thu hồi đất.
- Tác động tiêu cực tới điều kiện sống của các loài sinh vật do ánh sáng, tiếng ồn; chia cắt sinh cảnh, thu hẹp không gian sống của các loài động vật hoang dã; giảm chức năng phòng hộ, diện tích rừng... do việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và phá bỏ các thảm phủ thực vật trên mặt đất.
- Thay đổi cảnh quan, địa hình, địa mạo khu vực Dự án do các hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp...
- Gây thu hẹp dòng chảy, thay đổi địa hình lòng dẫn, xáo trộn các hệ sinh vật đáy, ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước và đời sống thủy sinh tại các vị trí thi công cầu, cống.
- Gia tăng ô nhiễm môi trường không khí trên công trường, bãi thải và vùng lân cận, trên các tuyến giao thông vận chuyển của Dự án; ô nhiễm các thủy vực lân cận do nước mưa chảy tràn cuốn theo chất gây ô nhiễm trên bề mặt, các loại nước thải, chất thải rắn không được thu gom, xử lý, hoạt động đổ thải không đúng quy định...; gây tác động tiêu cực đến sức khỏe của người lao động và giảm chất lượng sống của cộng đồng dân cư xung quanh.
- Làm xuống cấp, giảm chất lượng cơ sở hạ tầng, công trình lân cận do việc thi công, vận chuyển của Dự án; có thể gây sạt lở, gây ngập úng cục bộ do chất thải rắn làm tắc nghẽn dòng chảy, hư hỏng cống thoát nước...
- Phát sinh các vấn đề xã hội và nguy cơ mất an ninh trật tự trong khu vực do tập trung lượng lớn người lao động; khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và tài nguyên sinh vật.
- Tác động tiêu cực tới môi trường khi xảy ra sự cố trong quá trình đào đắp, khoan cọc nhồi, do bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại, các sự cố, rủi ro trong quá trình thi công, sự cố cháy rừng, tai nạn giao thông...

2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Tác động tiêu cực của bụi, khí thải động cơ, ồn, rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông tới các công trình, môi trường sống của cộng đồng dân cư hai bên đường.
- Ảnh hưởng tiêu cực tới các hệ sinh thái hai bên đường do tiếng ồn, rung và sự di chuyển của các loài động vật hoang dã.

- Gia tăng mức độ khó khăn, phức tạp trong công tác bảo vệ rừng và tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong vùng.

- Tiềm ẩn nguy cơ gia tăng tai nạn giao thông do việc di chuyển ngang đường của người dân và gia súc chần thả trong vùng, tại các điểm đầu nối hoặc giao cắt với đường giao thông khác...

- Gia tăng mức độ và tần suất ngập lụt cục bộ nếu các hạng mục công trình thoát nước ngang, dọc không hiệu quả.

- Thay đổi địa hình lòng dẫn, có thể gây bồi lắng hoặc sạt lở hai bên bờ suối do các móng trụ cầu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng các hạng mục còn lại:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Photphat, tổng Coliforms.

- Nước thải xây dựng: Phát sinh khoảng 4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Nước thải rửa xe: Phát sinh khoảng 5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng ước tính khoảng 3.170,311 l/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, COD, DO, tổng chất rắn lơ lửng, amoni (tính theo N), phosphat (tính theo P), sắt, chì, đồng, kẽm, mangan, tổng phenol, tổng cacbon hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, coliform.

b. Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO_x) phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công.

- Bụi, khí thải từ hoạt động thu dọn thảm thực vật, chuẩn bị mặt bằng công trường, đào đắp, san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu, trộn bê tông, xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình, đổ thải...

- Bụi và khí thải phát sinh trên công trường và đường giao thông có đặc điểm nguồn thải thấp, phân tán, khó thu gom. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng bụi lơ lửng (TSP), bụi PM₁₀, SO₂, NO_x, CO, hydrocacbon.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt:

- Phát sinh từ hoạt động của công nhân hoạt động trên công trường khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

b. Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Phát sinh từ phát quang cây rừng: Tổng lượng sinh khối phát sinh khoảng 315,25 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng: gạch vỡ, gỗ vụn, tôn vụn, bao bì đựng vật liệu,... tại công trường thi công xây dựng và khu vực tập kết nguyên vật liệu ước tính toàn bộ khối lượng phát sinh khoảng 100kg tại mỗi khu vực tập kết. Tổng khối lượng phát sinh khoảng 300kg/ngày;

- Đất phong hoá đổ thải từ quá trình đào, đắp mặt bằng khoảng 233.126,17 m³.

c. Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải nguy hại:

Từ các hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình, thiết bị trên tuyến; từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ thi công... với khối lượng phát sinh khoảng 5 kg/tháng. Thành phần: cặn sơn, nhựa đường, dầu mỡ thải bỏ; giẻ lau, bao bì thải bỏ có dính dầu mỡ, chất nguy hại khác; thiết bị, linh kiện điện, điện tử hỏng, pin, ắc quy hỏng...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, rung chủ yếu từ hoạt động của các loại máy móc, thiết bị tham gia thi công, xây dựng trên công trường.

3.1.4. Các tác động khác:

a. Tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: không tác động.

b. Tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: không tác động.

c. Tác động khác:

- Tác động do rà phá bom mìn, vật nổ trong khu vực dự án.

- Tác động do thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

- Tác động đến rừng.

- Tác động tới cơ sở hạ tầng (giao thông đường bộ, đường thủy, đường dây điện lực, đường dây thông tin).

- Tác động do xảy ra rủi ro, sự cố trong quá trình xây dựng.

- Tác động đến sức khỏe, an toàn lao động của công nhân, người dân

trong khu vực.

- Các rủi ro, sự cố trong quá trình xây dựng.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

- a. Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thực hiện duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình trên tuyến phát sinh trong thời gian ngắn, nguồn thải phân tán với khối lượng quá ít. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, sunfua, phosphat, nitrat, amoni, dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms.

- Nước mưa chảy tràn cuốn trôi đất cát trên bề mặt đường giao thông (đã được bê tông nhựa hoá) vào các rãnh thoát nước dọc đường trước khi chảy vào thủy vực tiếp nhận, hàm lượng chất ô nhiễm không đáng kể..

- b. Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu hoá thạch và cuốn lên từ mặt đường với đặc điểm nguồn thải thấp, phân tán. Thông số ô nhiễm đặc trưng: tổng bụi lơ lửng (TSP), bụi PM₁₀, SO₂, NO_x, CO, hydrocacbon.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Đơn vị được giao quản lý, vận hành Dự án thực hiện thu gom, phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại trong quá trình duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình trên tuyến theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, rung do hoạt động của các phương tiện giao thông.

3.2.4. Các tác động khác:

- a. Tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: không tác động.

- b. Tác động khác:

- Tác động đến sinh thái.
- Các rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động và bể chứa nước thải

bằng vật liệu composite, dung tích 6,0 m³. Bể được lắp đặt chìm dưới mặt đất, có kết cấu kín, khả năng chống thấm và chống ăn mòn, có nắp đậy kín và bố trí đường ống thu gom, ống thông hơi và vị trí đầu nối phục vụ hút nước thải. Khu vực lắp đặt bể được gia cố, bảo đảm bể ổn định trong quá trình sử dụng, không bị rò rỉ, phát tán nước thải ra môi trường; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải xây dựng và nước thải rửa xe: Nước thải từ hồ móng, rửa cốt liệu bê tông, vệ sinh thiết bị, dụng cụ lao động, rửa bánh xe... tại mỗi công trường thi công một hệ thống cầu rửa xe, cống và 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn, kích thước (2x1x1,5)m để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa xe, vệ sinh thiết bị thi công... Định kỳ 2 tuần/lần thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom và đưa đi xử lý đối với bùn nạo vét từ bể lắng.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đào rãnh thoát nước mưa xung quanh vị trí thi công để ngăn nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo đất cát trên mặt bằng đang thi công, và phòng tránh xói mòn, sạt lở đất

+ Tại công trường: xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa kích thước BxH = (0,5x0,5)m và hệ thống hồ lắng kích thước LxBxH = (0,8x0,8x0,8)m với khoảng cách 30-50m/1 hồ lắng tại khu vực công trường thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hồ ga đảm bảo lưu thông dòng chảy; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất đá thải của dự án;

+ Tại khu vực bãi thải: xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa kích thước BxH = (0,5x0,5)m và tại điểm cuối của hệ thống rãnh thu nước ở góc rìa bãi thải, tạo một bể lắng (2 ngăn) tạm thời thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hồ ga đảm bảo lưu thông dòng chảy; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất đá thải của dự án. Kích thước bể lắng dung tích 125 m³ với kích thước tổng thể: 12 m x 7 m x 1,8 (chiều sâu ngập nước 1,5 m, chiều cao an toàn chống tràn 0,3 m).

. Ngăn 1: 6,0 m x 7 m x 1,8 m

. Ngăn 2: 6,0 m x 7 m x 1,8 m .

+ Khu vực dưới chân taluy dọc tuyến: xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước miệng rãnh 0,8m, đáy 0,4m, sâu 0,4m và hệ thống hồ lắng kích thước LxBxH = (1,2x1,2x1,2)m với khoảng cách 30-50m/ 1 hồ lắng tại khu vực công trường thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hồ ga đảm bảo lưu thông dòng chảy; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất đá thải của dự án.

+ Thực hiện thu gom, tập kết chất thải, nguyên vật liệu đúng nơi quy định, không để rơi vãi trên công trường, đường giao thông.

+ Vệ sinh công trường, kho bãi, trang thiết bị hàng ngày.

+ Thường xuyên nạo vét hệ thống mương thoát, hồ thu nước mưa.

b. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên duy tu, bảo trì các hệ thống thu gom, thoát nước ngang đường, thoát nước dọc đường, đảm bảo không gây tắc nghẽn dòng chảy, không gây ngập lụt trong vùng; xây dựng, lắp đặt rãnh thoát nước mưa, hố ga thu nước có nắp đậy, song chắn rác, kết hợp lắng cặn, tách dầu mỡ dọc hai bên đường.

- Yêu cầu về BVMT: Thiết kế, xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa phải tuân thủ QCVN 01:2026/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2027).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động còn hạn sử dụng của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Bố trí hợp lý tuyến đường và thời gian vận chuyển vật liệu tránh khung giờ cao điểm.

- Bố trí đội chuyên trách vệ sinh môi trường thu dọn kịp thời nguyên vật liệu rơi vãi trên đường giao thông, công trường đề hạn chế bụi phát tán.

- Thường xuyên phun nước, duy trì độ ẩm bề mặt công trường, khu tập kết nguyên vật liệu phục vụ xây dựng, bãi tập kết đất đá thải, sân bãi, đường giao thông vào những ngày không có mưa; sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để bề mặt tưới được làm ẩm đều, không gây đọng nước, mất vệ sinh (tần suất 2 lần/ngày).

- Che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển vật liệu.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh các phương tiện, máy móc phục vụ thi công.

b. Giai đoạn vận hành:

Các phương tiện vận tải (xe ô tô, xe máy), máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động còn hạn sử dụng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt: Bố trí các thùng 120 lít (có nắp đậy, dán nhãn, ký hiệu theo đặc điểm chất thải) và kho chứa có diện tích 5 m² để chứa CTR sinh hoạt đã phân loại; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý (hàng ngày hoặc 2 ngày/lần).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- + Phát sinh từ phát quang cây rừng: Chủ dự án phối hợp với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Năng, chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện khoanh vùng khu vực giải phóng mặt bằng; thực hiện giải phóng mặt bằng, tận thu lâm sản theo

quy định của pháp luật quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như sắt, thép vụn, gạch, đá, xi măng,... tái sử dụng, bán cho đơn vị thu mua phế liệu (sắt, thép,...).

+ Đất phong hoá đỏ thải: vận chuyển đất phong hóa thải đỏ tại bãi thải hộ ông KaHo Nguy (khu đất nằm bên phải tuyến giáp công trình tại lý trình Km31+200), có tổng sức chứa 300.000 m³.

b. Giai đoạn vận hành:

Đơn vị được giao quản lý, vận hành Dự án thực hiện thu gom, phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường trong quá trình duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình trên tuyến theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Trên mỗi công trường, bố trí kho chứa CTNH (diện tích 2m×3m) có mái che, tường bao, nền chống thấm cao hơn sân đường, có rãnh thu chất lỏng về hố thu giữa kho và các loại thùng chứa CTNH đầy đủ nhãn mác để lưu giữ theo từng loại. Khu lưu giữ được trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, vật liệu hấp phụ và có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với từng loại CTNH;

- Thực hiện phân loại chất thải ngay tại vị trí phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành:

Đơn vị được giao quản lý, vận hành Dự án thực hiện thu gom, phân định, phân loại chất thải nguy hại trong quá trình duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình trên tuyến theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Các phương tiện vận tải máy móc, thiết bị tham gia thi công xây dựng Dự án có giấy phép hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam còn hiệu lực.

- Xe cơ giới, xe tải nặng, các thiết bị thi công mà đơn vị thi công sử dụng phải còn trong thời gian kiểm định.

- Tất cả các hoạt động xây dựng gây tiếng ồn lớn được tiến hành vào ban ngày.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. Khi tiếp xúc với những vị trí phát sinh tiếng ồn lớn, thời gian dài, Nhà thầu xây dựng phải yêu cầu công nhân xây dựng đeo nút chống ồn hoặc tai đeo chống ồn.

- Kiểm tra tiếng ồn, giám sát định kỳ về tiếng ồn trong quá trình thi công

tại các vị trí gần khu vực dân cư, nếu phát hiện tiếng ồn lớn hơn mức cho phép của Quy chuẩn Việt Nam phải yêu cầu đơn vị thi công khắc phục trước khi tiếp tục thi công.

b. Giai đoạn vận hành:

- Lắp đặt những biển báo giao thông, biển cấm còi theo giờ, cấm các phương tiện vận tải theo giờ,... theo quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): không thuộc đối tượng.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Đối với phần diện tích rừng bị ảnh hưởng, chủ dự án cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền vào quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh theo quy định của pháp luật Lâm nghiệp hiện hành (Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14).

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước); biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước): không thuộc đối tượng.

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Tổ chức thiết kế, thi công, vận hành Dự án tuân thủ các quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật của pháp luật hiện hành.

- Không mang trái phép các chất dễ cháy, nổ vào khu vực công trường, khu vực thi công; tuân thủ các quy định về lưu giữ vật liệu dễ cháy, nổ.

- Hoàn thành thi công các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; giám sát thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những vị trí có nguy cơ sạt lở; cắm biển cảnh báo nơi có khả năng xảy ra sạt lở.

- Thuê đơn vị có chức năng thực hiện công tác rà phá bom mìn trước khi giải phóng mặt bằng, chuẩn bị thi công.

- Lắp đặt đầy đủ hệ thống báo hiệu giao thông đường bộ, đảm bảo tuân thủ QCVN 41:2024/BGTVT; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả.

- Xây dựng các phương án, kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cụ thể. Trang bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện, thiết bị ứng cứu sự cố cháy nổ, hoá chất...

- Tổ chức huấn luyện cho tất cả người lao động về sức khỏe nghề nghiệp, an toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa và ứng phó sự cố; đảm bảo mọi người

hiếu và tuân thủ.

- Thành lập đội ứng cứu sự cố; thường xuyên diễn tập các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình thi công.

- Niêm yết chỉ dẫn và quy định chế tài bắt buộc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh lao động, an toàn hoá chất, phù hợp với từng vị trí làm việc.

- Định kỳ thực hiện giám sát xói lở trong suốt quá trình thi công cầu nhằm phát hiện và xử lý kịp thời. Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, ảnh hưởng đến các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước): không thuộc đối tượng.

4.4.6. Các công trình, biện pháp khác:

- Giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học.

- + Chỉ chặt phát cây rừng trong phạm vi thu hồi lâu dài sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về bồi thường và các thủ tục pháp lý về chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- + Tuyệt đối không lợi dụng việc phát cây không chế chiều cao để khai thác lâm sản.

- + Nghiêm cấm việc chặt phát cây rừng ngoài phạm vi dự án.

- + Thực hiện thi công hợp lý, dứt điểm từng hạng mục để giảm thời gian chiếm dụng đất tạm thời.

- + Dùng phương pháp chặt phát thủ công, chặt phát có kiểm soát đảm bảo an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến cây rừng lân cận. Không đốt thực vật, không sử dụng lửa trong khu vực rừng nhằm giảm nguy cơ cháy rừng.

- + Khoanh vùng định vị rõ ràng trên thực địa phạm vi dự án trước khi thi công như: cắm mốc, căng dây,... nhằm tránh xâm lấn ra khu vực rừng xung quanh.

- + Thực hiện trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

- + Phối hợp với chính quyền địa phương, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Năng để cùng giám sát công tác bảo vệ rừng trong suốt quá trình thi công.

- + Thực hiện tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của công nhân xây dựng về các quy định bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

- + Tuyên truyền cho công nhân không chặt phát, khai thác lâm sản, khai thác, săn bắn, buôn bán động vật rừng. Người vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định

hiện hành.

- Giảm thiểu do ảnh hưởng đến đất rừng và rừng:

- + Chủ dự án thuê đơn vị chuyên ngành có đủ năng lực lập hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và chuyển mục đích sử dụng rừng trình cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024.

- + Chủ dự án thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền vào quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Khánh Hòa theo quy định.

- Với diện tích đất sử dụng tạm thời trong thời gian thi công: sau khi hoàn thành thi công, Chủ Dự án có trách nhiệm hoàn trả lại mặt bằng và bàn giao cho tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng. Chủ dự án cam kết thực hiện các thủ tục để hoàn trả đất sau khi có sự thống nhất của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Với diện tích đất trong hành lang an toàn (không bị thu hồi): được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành, tuy nhiên đất trong hành lang an toàn bị hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định của Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 4/3/2025 của Chính phủ.

- Đối với nhà ở, công trình, cây trồng bị ảnh hưởng được bồi thường, hỗ trợ và được cải tạo, bồi đắp đảm bảo an toàn cho sinh sống cho người dân theo quy định.

- Chủ dự án thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi triển khai xây dựng công trình.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường: Chương trình quản lý môi trường của dự án được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của Dự án nhằm kiểm soát ô nhiễm do các hoạt động của dự án và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động tương ứng.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

5.2.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

5.2.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát: Tại các đoạn tuyến thi công (vị trí giám sát thay đổi theo tiến độ thi công và theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- + Vị trí 1: Khu vực xử lý sạt lở

- + Vị trí 2: Bãi đổ thải

- + Vị trí 3: Tuyển vận chuyển qua khu dân cư
- + Vị trí 4: Khu vực nổ mìn
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần trong thời gian thi công.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2025/BNNMT, QCVN 27:2025/BNNMT.

5.2.1.2. Giám sát khác:

Giám sát tần suất và mức độ ngập lụt; mức độ bồi lắng tại các thủy vực; dấu hiệu và phạm vi sạt lở; tiến độ và kết quả công tác hoàn trả mặt bằng, trồng rừng phục hồi sau thi công; tiến độ và khối lượng đền bù, hỗ trợ, kết quả phục hồi sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng; hiện trạng và sự biến động về loài nguy cấp, quý hiếm, được ưu tiên bảo vệ, các loài thủy sinh, các loài động vật hoang dã tại khu vực Dự án và lân cận; các giám sát khác theo đề nghị của Chủ đầu tư tại báo cáo ĐTM.

5.2.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành:

Giám sát tần suất xuất hiện và mức độ ngập lụt; dấu hiệu và phạm vi sạt lở; hiệu quả trồng rừng phục hồi (mật độ cây, tỷ lệ tăng trưởng, độ khép tán...); hiệu quả chương trình phục hồi sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng; lưu lượng phương tiện giao thông; số lượng và mức độ thiệt hại do tai nạn giao thông hàng năm; giám sát các tác động của công trình cầu tới lòng, bờ, bãi suối.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp bồi thường, hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, các thủ tục về đầu tư và xây dựng công trình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các quy định tại Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá, phương án tận thu tài nguyên rừng trong phạm vi của Dự án, kế hoạch trồng rừng thay thế, bồi hoàn diện tích rừng bị chiếm dụng do việc thực hiện Dự án và trồng rừng thay thế theo đúng quyết định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trong quá trình thực hiện Dự án, nếu phát hiện các loài động thực vật quý hiếm phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn.

- Khảo sát, đánh giá bổ sung các điều kiện địa chất, thiết kế và thực hiện đầy đủ các giải pháp công trình nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động tiêu cực có thể xảy ra do hiện tượng sạt trượt, xói lở và các tai biến địa

chất khác tại khu vực Dự án.

- Thường xuyên giám sát và kiểm tra tại hiện trường thi công xây dựng Dự

án nhằm đảm bảo các hoạt động thi công nằm trong ranh giới được phê duyệt và ngăn chặn các hành vi săn bắt, mua bán động vật rừng, phát quang, khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ trái phép ngoài khu vực giao đất cho Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo tồn đa dạng sinh học, lâm nghiệp, quản lý đất đai, xây dựng, an toàn điện, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy, an ninh, quốc phòng, giao thông; nhận dạng, đánh giá cụ thể tác động tới các các loài động vật hoang dã, loài thủy sinh, đặc biệt các loài nguy cấp, quý hiếm, cần ưu tiên bảo vệ; bổ sung cụ thể các giải pháp bảo vệ, bảo tồn tương ứng.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án, đảm bảo tiêu thoát nước hiệu quả và không gây ô nhiễm các thủy vực tiếp nhận.

- Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp hiệu quả nhằm phòng ngừa, giảm thiểu bụi thứ cấp phát sinh trên công trường, từ các hoạt động vận chuyển của Dự án và giải pháp lưu chứa lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Dự án trong giai đoạn xây dựng, chờ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Có trách nhiệm lập phương án cụ thể, chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện các giải pháp phân luồng và đảm bảo an toàn giao thông, hạn chế tối đa các sự cố ùn tắc tại các điểm giao cắt trong suốt thời gian thi công, xây dựng của Dự án.

- Chỉ được triển khai thi công, xây dựng Dự án sau khi:

- + Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai; hoàn thành công tác đền bù, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng.

- + Rà soát, cập nhật vào hồ sơ thiết kế các giải pháp, điều kiện về BVMT, các yêu cầu kỹ thuật nêu tại QCVN 07-2:2023/BXD, QCVN 41:2024/BGTVT, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan và phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

- Lựa chọn các loài bản địa, đặc hữu để trồng rừng tạo cảnh quan môi trường, chống xói mòn, sạt lở trên các mái dốc, trên diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng nhưng chưa sử dụng của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật hiện có tốt nhất trong quá trình xây dựng, vận hành, bảo đảm đạt các yêu cầu về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, không khí xung quanh, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh lao động và không để xảy ra sạt lở, bồi lắng các thủy vực liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông tại các điểm

giao cắt với đường giao thông nông thôn, tại điểm đầu nối với Tỉnh lộ 729, trên các đoạn đường có chiều cao mái taluy lớn hơn 2 m; sửa chữa, khôi phục các đoạn đường, công trình cầu, cống bị hư hỏng, xuống cấp do hoạt động của Dự án; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật hiện hành trước khi chính thức đưa Dự án vào vận hành.

- Thực hiện nghiêm túc việc giám sát hiệu quả các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đang áp dụng; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra hiện tượng ô nhiễm môi trường, mất an toàn và vệ sinh lao động, phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực. Chủ động đề xuất, điều chỉnh các giải pháp, công trình BVMT trong trường hợp các giải pháp, công trình này hoạt động không hiệu quả, không đáp ứng được các yêu cầu về BVMT trong quá trình triển khai Dự án theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù kịp thời, thỏa đáng toàn bộ các thiệt hại xảy ra do hoạt động thi công xây dựng và vận hành Dự án. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động BVMT, chương trình quản lý, giám sát môi trường, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố và các điều kiện nêu trên.

- Tuân thủ thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; nội dung thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành toàn bộ dự án, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về tiếng ồn và độ rung. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến khu vực xung quanh.

- Hoàn trả mặt bằng theo đúng quy định đối với diện tích đất sử dụng tạm thời để phục vụ thi công

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư và thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo

cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
